TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày: 22/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Ninh, ông Nguyễn Xuân Hành.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Hương, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 04/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 21/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST- QĐ ngày 02/7/2021; đối với bị cáo Ngô Văn X, sinh ngày: 15/7/1954; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Q; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn R (đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); Vợ: Ngô Thị T, sinh năm 1959; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 1987, bị Công an huyện Quảng Ninh xử phạt hành chính về hành vi buôn bán Trầm Hương trái phép; Năm 2006, bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ; Năm 2019, bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chi cục Thuế huyện Q, tỉnh Q, đại diện theo pháp luật ông Hoàng Văn G - Chi Cục trưởng, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1, Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng T; địa chỉ: thôn Đại Phúc, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật ông Ngô Văn X, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, có mặt.

2, Công ty TNHH thương mại T có trụ sở tại tổ dân phố T, trị trấn K, huyện L, tỉnh Q; đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị T - Giám đốc, vắng mặt.

3, Công ty TNHH K có trụ sở tại Tổ dân phố 2, trị trấn K, huyện L, tỉnh Q; Đại diện theo pháp luật ông Đào Hữu C - Giám đốc, vắng mặt.

4, Công ty TNHH MTV T có trụ sở tại số 505 Lê Duẩn, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q; đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hữu T - Giám đốc, vắng mặt.

5, Bà Ngô Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

6, Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh , vắng mặt

7, Chị Lê Thị Ngọc Á, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

8, Chị Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

7, Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thị trấn K, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1, Chị Mai Thị N, sinh năm 1991

Đại chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

2, Chị Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 1994

Đại chỉ: Khu tập thể nhà máy N, tổ dân phố 8, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

3, Chị Từ Thị Thanh Nh, sinh năm 1986

Đại chỉ: Thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt

- *Người giám định:* Ông Hoàng Văn K - Giám định viên tư pháp, Chuyên viên Thanh tra - Kiểm tra, Cục Thuế tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thiên Ân (gọi tắt là Công ty Thiên Ân) có trụ sở đóng tại thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Q được sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 14/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/3/2014, mã số doanh nghiệp 3100478638, vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng), Công ty gồm 2 thành viên góp vốn: Ngô Văn X và Ngô Thị T. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ngô Văn X, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thiên Ân Thiên Ân kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó, Công ty được phép mua bán vật liệu xây dựng và bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Từ năm 2015 đến năm 2017, nhằm mục đích tăng số thuế giá trị gia tăng (GTGT) được khấu trừ và làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, ông Ngô Văn X - Giám đốc Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thiên Ân không thông qua Hội đồng thành viên công ty mà một mình chỉ đạo nhân viên lái xe cho công ty là anh Ngô Đăng Q (sinh năm 1992; quê quán: xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình) liên hệ với 03 (ba) công ty gồm: Công ty TNHH K (địa chỉ: tổ dân phố 2, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình), Công ty TNHH thương mại T (địa chỉ: Tổ dân phố

Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình) và Công ty TNHH một thành viên T (địa chỉ: số 505 Lê Duẩn, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị) để xin tổng cộng 519 (năm trăm mười chín) tờ hoá đơn GTGT khống (hoá đơn không kèm theo hàng hoá, dịch vụ) với tổng giá trị thanh toán: 10.038.503.007 đồng (mười tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, không trăm lẻ bảy đồng) để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, cụ thể như sau:

Từ năm 2015, anh Ngô Đăng Q đã liên hệ nhân viên lái xe và bán hàng của Công ty TNHH K sau đó nhân viên lái xe và bán hàng của Công ty này đã yêu cầu chị Lê Thị Ngọc Á (là kế toán Công ty TNHH K) viết hoá đơn để xuất cho cửa hàng, đại lý tại khu vực huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, người mua hàng viết trên hoá đơn GTGT là Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T với nội dung ghi hàng hoá xuất bán gồm: Bia, nước ngọt ..., do tin tưởng nhân viên lái xe và bán hàng nên chị Ánh đã đồng ý. Thời gian sau, anh Ngô Đăng Q đã đặt vấn đề với chị Á xin hoá đơn giá trị gia tăng khống của Công ty TNHH K để Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T sử dụng vào mục đích đáo hạn các khoản vay tại ngân hàng. Do thấy số lượng hàng hoá bán lẻ trong năm của công ty nhiều, dư thừa lượng lớn hoá đơn GTGT đầu ra nên chị Á đã đồng ý.

Tổng cộng, từ năm 2015 đến năm 2016, chị Lê Thị Ngọc Á đã viết khống 64 (sáu mươi bốn) tờ hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T với tổng giá trị thanh toán là 1.244.411.003 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười một nghìn không trăm lẻ ba đồng); trong đó: Tiền hàng hoá, dịch vụ là 1.131.310.000 đồng (một tỷ một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm mười nghìn đồng), tiền thuế GTGT là 113.130.000 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Để hợp thức hoá cho 64 tờ hoá đơn GTGT khống nói trên, chị Lê Thị Ngọc Á đã lập 64 phiếu thu tương đương số tiền ghi trên 64 tờ hoá đơn GTGT khống.

Tương tự như trên, từ năm 2015, anh Ngô Đăng Q cũng thông qua nhân viên lái xe và bán hàng của Công ty TNHH thương mại T đã liên hệ với chị Lê Thị Ngọc N (kế toán Công ty) để đặt vấn đề xin hoá đơn GTGT khống sử dụng vào mục đích đáo hạn các khoản vay tại ngân hàng thì chị N đồng ý.

Tổng cộng, từ năm 2015 đến năm 2016, chị Lê Thị Ngọc N đã viết 147 (một trăm bốn mươi bảy) tờ hoá đơn GTGT khống với nội dung ghi hàng hoá xuất bán gồm: Bia, nước ngọt, mì tôm... cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T với tổng giá trị thanh toán là 2.846.202.704 đồng (hai tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm lẻ hai nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Tiền hàng hoá, dịch vụ là 2.587.457.004 đồng (hai tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn không trăm lẻ bốn đồng); tiền thuế GTGT là 258.745.700 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm đồng). Để hợp thức hoá cho 147 tờ hoá đơn GTGT khống nói trên, chị Lê Thị Ngọc N đã lập 147 phiếu thu và 147 phiếu xuất kho tương đương số tiền ghi trên 147 tờ hoá đơn GTGT khống.

Cũng từ năm 2015, anh Ngô Đăng Q liên hệ với bà Trần Thị Bích T (kế toán Công ty TNHH một thành viên T) để đặt vấn đề về việc xin hoá đơn GTGT khống ghi nội dung hàng tạp hoá cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận

tải T. Nhận được lời đề nghị, bà T đã xem xét, cân đối hàng hoá đầu vào, đầu ra trên thực tế, lượng hoá đơn GTGT đầu vào, đầu ra của Công ty TNHH một thành viên T; thấy dư nhiều nên đồng ý.

Tổng cộng, từ năm 2015 đến năm 2017, bà Trần Thị Bích T đã viết 308 (ba trăm lẻ tám) tờ hoá đơn GTGT khống xuất cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T với nội dung ghi hàng hoá xuất bán gồm: Bột mỳ, mỳ chay, sữa, bột ngọt, phở bò, phở gà... với tổng giá trị thanh toán là 5.947.889.300 đồng (năm tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín nghìn ba trăm đồng), trong đó: Tiền hàng hoá, dịch vụ là 5.416.263.000 đồng (năm tỷ bốn trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng); tiền thuế GTGT là 541.626.300 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Để hợp thức hoá cho 308 tờ hoá đơn GTGT khống đã xuất, bà Trần Thị Bích T đã lập 308 phiếu thu và 308 phiếu xuất kho đối với Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T tương đương số tiền ghi trên 308 tờ hoá đơn GTGT khống.

Bị can Ngô Văn X đã sử dụng 519 tờ hoá đơn GTGT khống nói trên giao cho chị Hoàng Thị Ngọc A và Từ Thị Thanh N (là kế toán mà bị cáo Ngô Văn X thuê làm theo thời vụ) làm chứng từ để hạch toán hàng hoá đầu vào nhằm mục đích làm tăng thuế GTGT được khấu trừ, đồng thời giá trị hàng hoá ghi trên 519 tờ hoá đơn GTGT khống được tính vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh nên sẽ làm tăng chi phí và giảm thu nhập chịu thuế của Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T.

Ngày 15/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 167/QĐ-PC03 trưng cầu Cục thuế tỉnh Quảng Bình giám định số tiền trốn thuế của Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T từ năm 2015 đến năm 2017.

Ngày 24/9/2020, Cục thuế tỉnh Quảng Bình có Kết luận giám định số 2536/KL-GĐ, kết luận: từ năm 2015 đến năm 2017, Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T trốn thuế với tổng số tiền 2.719.441.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*); trong đó: Thuế GTGT là 892.435.000 đồng (*Tám trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), thuế thu nhập doanh nghiệp là 1.827.006.000 đồng (*Một tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, không trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Ninh tạm giữ: Ông Ngô Văn X - Giám đốc ông ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T giao nộp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngưng kinh doanh; 519 (năm trăm mười chín) tờ hóa đơn GTGT (bản gốc liên 2) của Công ty TNHH K, Công ty TNHH thương mại T và Công ty TNHH MTV T xuất cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T; Báo cáo tài chính năm 2015, năm 2016, năm 2017 của Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T; Tờ khai thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ bán ra và bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra năm 2015, năm 2016, năm 2017; Tài liệu liên quan đến hoạt động kiểm tra nghĩa vụ nộp thuế tại TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T của Chi cục thuế khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh.

Ông Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty TNHH MTV T đã tự nguyện giao nộp gồm: 308 (ba trăm lẻ tám) tờ hóa đơn GTGT liên 3 của Công ty TNHH MTV T xuất cho Công ty TNHH TMXD và Vận tải T trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 (có bảng kê kèm theo); Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra quý 4 năm 2015, năm 2016, quý 1 năm 2017 của Công ty TNHH MTV T; Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV T năm 2015, 2016, 2017; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV T số 3200421931; 308 (ba trăm lẻ tám) tờ hóa đơn GTGT liên 1 của Công ty TNHH MTV T xuất cho Công ty TNHH TMXD và Vận tải T; Tờ khai thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ bán ra và Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra năm 2015, năm 2016 và năm 2017; 308 (ba trăm lẻ tám) Phiếu thu và 308 (ba trăm lẻ tám) Phiếu xuất kho của Công ty TNHH MTV T; Sổ quỹ tiền mặt năm 2015, năm 2016 và năm 2017 của Công ty TNHH MTV T; Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng năm 2015, năm 2016 và năm 2017 (Tất cả các tài liệu nêu trên của Công ty TNHH MTV T giao nộp đều là bản phô tô, có đóng dấu xác nhận của công ty).

Bà Nguyễn Thị T – Giám đốc Công ty TNHH thương mại T giao nộp gồm: 147 (một trăm bốn mươi bảy) hóa đơn GTGT liên 1 Công ty TNHH thương mại T xuất bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T; Tờ khai thuế GTGT kèm theo bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra có liên quan; Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra, mua vào năm 2015 và năm 2016; Tài liệu kiểm tra thuế (Tất cả các tài liệu nêu trên của Công ty TNHH thương mại T giao nộp đều là bản phô tô, có đóng dấu treo của công ty).

Ông Đào Hữu C - Giám đốc Công ty TNHH K giao nộp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH K số 3100403921; 64 (sáu mươi bốn) hóa đơn GTGT liên 1 Công ty TNHH K xuất cho Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T; Tờ khai thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ bán ra và bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra năm 2015 và năm 2016; 64 (sáu mươi bốn) phiếu thu và 64 (sáu mươi bốn) phiếu xuất kho của Công ty TNHH K; Tài liệu kiểm tra thuế; Sổ quỹ tiền mặt năm 2015 và năm 2016 của Công ty TNHH K; Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn GTGT năm 2015 và năm 2016 (Tất cả các tài liệu nêu trên của Công ty TNHH K giao nộp đều là bản phô tô, có đóng dấu xác nhận của công ty).

Về dân sự: Ngày 17/7/2020, bị cáo Ngô Văn X đã chủ động nộp số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Hoàng Văn G, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Quảng Ninh trình bày các nội dung về việc Chi cục Thuế đã phát hiện hành vi trốn thuế của Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T, qua kết luận giám định và kết quả điều tra, ông hoàn toàn nhất trí và đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T phải nộp lại số tiền trốn thuế còn lại để Chi cục Thuế kịp thời nộp vào Ngân sách Nhà nước, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ cho bị cáo

Ngô Văn X một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm ăn, sớm khắc phục hậu quả do hành vi trốn thuế gây ra.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 29/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Ngô Văn X về tội "Trốn thuế" theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo Ngô Văn X từ 12 đến 18 tháng tù, về tội "Trốn thuế"; về vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án những vật chứng đã tạm giữ là tài liệu của hồ sơ vụ án; Về biện pháp tư pháp: Đề nghị xử buộc Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T phải nộp lại số tiền trốn thuế cho Chi cục Thuế huyện Quảng Ninh để nộp vào ngân sách Nhà nước 2.719.441.000 đồng, bị cáo đã nộp trước số tiền 50.000.000 đồng, số còn lại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải T phải nộp tiếp là 2.669.441.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng; bản kết luận giám định; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2015 đến năm 2017 bị cáo đã sử dụng 519 (năm trăm mười chín) hóa đơn GTGT khống (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) với tổng giá trị thanh toán: 10.038.503.007 đồng (mười tỷ không trăm ba mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn không trăm lẻ bảy đồng) để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế để trốn thuế; số tiền trốn thuế là 2.719.441.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng). Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực). Căn cứ Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì tội "Trốn thuế" qui định trong Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt nhẹ hơn so với qui định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần áp dụng có lợi cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trốn thuế" theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Ngô Văn X là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội thuộc lỗi cố ý, đã có hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực Thuế, vi phạm Điều 108 của Luật quản lý thuế 78/2006/QH11; hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" được quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự; đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa.

Trong vụ án này, anh Ngô Đăng Q là người trực tiếp xin các hóa đơn giá trị gia tăng khống cho Công ty TNHH T, tuy nhiên hiện nay anh Ngô Đăng Q đã chết, nên không xem xét xử lý.

Đối với Hoàng Thị Ngọc A, Từ Thị Thanh N là 02 kế toán được bị cáo Ngô Văn X thuê hạch toán quyết toán sổ sách chứng từ để kê khai thuế (thuê làm theo thời vụ, không có hợp đồng lao động, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty và cũng không biết các hóa đơn GTGT nói trên là hóa đơn khống); Mai Thị N (sinh năm 1991) là kế toán bán hàng cho Công ty TNHH T, không biết gì về các hóa đơn GTGT khống nói trên. Mọi vi phạm của bị cáo họ đều không biết. Do đó không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên HĐXX không xem xét.

Đối với Công ty TNHH K có trụ sở tại Tổ dân phố 2, trị trấn K, huyện , tỉnh Quảng B năm 2015 đến năm 2016, bà Lê Thị Ngọc Á (kế toán của Công ty) đã xuất khống 64 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) có tổng giá trị thanh toán là 1.244.411.003 đồng (trong đó: Tiền hàng hóa, dịch vụ 1.131.310.000 đồng; tiền thuế giá trị gia tăng 113.130.000 đồng) của Công ty TNHH Khánh Như cho Công ty TNHH T sau đó Ngô Văn X đưa vào hạch toán làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng phải nộp. Công ty TNHH và bà Lê Thị Ngọc Á không biết mục đích xin hóa đơn là để đưa vào hạch toán nhằm trốn thuế và không có ăn chia lợi nhuận số tiền trốn thuế và không thu tiền bán hóa đơn nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xuất khống 64 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của Công ty TNHH K đã vi phạm hành chính về hành vi sử dụng bất hợp hóa đơn quy định tại điều 28 nghị định 125 ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vì phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Ngày 02/4/2020 Cơ quan CSĐT đã có công văn số 125a/CSĐT và chuyển hồ sơ đề nghị Cục thuế tỉnh Quảng Bình xử lý đối với Công ty TNHH K theo quy định của pháp luật, nêm không xem xét.

Đối với Công ty TNHH thương mại T có trụ sở tại tổ dân phố T, trị trấn K, huyện L, tỉnh Q. Từ năm 2015 đến năm 2016 chị Lê Thị Ngọc N (kế toán của Công ty) đã xuất 147 tờ hóa đơn giá trị gia tăng khống với nội dung ghi hàng hóa xuất bán gồm: Bia, nước ngọt, mì tôm... với tổng giá trị thanh toán là 2.846.202.704 đồng (trong đó: Tiền hàng hóa, dịch vụ 2.587.457.004 đồng; tiền thuế giá trị gia tăng 258.745.700 đồng) cho Công ty TNHH T, Ngô Văn X đưa số hóa đơn đó vào hạch toán làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia

tăng phải nộp. Tuy nhiên Công ty TNHH thương mại T và bà Lê Thị Ngọc N không biết mục đích xin hóa đơn là để đưa vào hạch toán nhằm trốn thuế và không có ăn chia lợi nhuận số tiền trốn thuế được và không thu tiền bán hóa đơn nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xuất khống 147 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của Công ty TNHH thương mại T đã vi phạm hành chính về hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn quy định tại điều 28 nghị định 125 ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nên HĐXX không xem xét.

Đối với Công ty TNHH MTV T có trụ sở tại số 505 L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q. Từ năm 2015 đến năm 2017 bà Trần Thị Bích T (kế toán Công ty TNHH MTV T) đã xuất 308 tờ hóa đơn giá trị gia tăng khống của Công ty TNHH MTV T có tổng giá trị thanh toán là 5.947.889.300 đồng (trong đó: Tiền hàng hóa, dịch vụ 5.416.263.000 đồng; tiền thuế giá trị gia tăng 541.626.300 đồng) cho Công ty TNHH Thương mại xây dựng và vận tải T và bị cáo Ngô Văn X đưa vào số hóa đơn đó vào hạch toán làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng phải nộp. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV T và bà Trần Thị Bích T không biết mục đích xin hóa đơn là để đưa vào hạch toán nhằm trốn thuế và không có ăn chia lợi nhuận số tiền trốn thuế được và không thu tiền bán hóa đơn nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xuất không 308 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV T đã vi phạm hành chính về hành vi sử dụng bất hợp hóa đơn quy định tại điều 28 nghị định 125 ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Ngày 02/4/2020 Cơ quan CSĐT đã có công văn số 125b/CSĐT và chuyển hồ sơ đề nghị Cục thuế tỉnh Quảng Trị xử lý đối với Công ty TNHH MTV T theo quy định cúa pháp luật.

Đối với pháp nhân thương mại Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T: Việc bị cáo Ngô Văn X sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng khống để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế cho Công ty TNHH T trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 được diễn ra trong thời điểm chưa có quy định xử lý đối với Pháp nhân thương mại. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, nên không xem xét.

Trách nhiệm của Chi cục Thuế Khu vực Đ - Q: Năm 2015, năm 2016 đã kiểm tra và phát hiện Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T trốn thuế; năm 2017, Chi cục Thuế khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh chưa tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T do đã có hoạt động kiểm toán, vì vậy không xem xét trách nhiệm đối với Chi cục Thuế Khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Ngô Văn Xoài thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước; với số tiền trốn thuế là 2.719.441.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng xét về nhân thân: Năm 1987, bị Công an huyện Quảng Ninh xử phạt hành chính về hành vi buôn bán Trầm hương trái phép; Năm 2006, bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ; Năm 2019, bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, do đó bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, sau khi phạm tội đã tự giác nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do mình gây ra; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sữa chữa lỗi lầm; là người cao tuổi, người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, bản thân bị cáo đã từng tham gia kháng chiến, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Vật chứng vụ án: Các vật chứng đã tạm giữ đều là tài liệu đi kèm hồ sơ vụ án cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Buộc Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T phải nộp lại số tiền 2.719.441.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) là tiền thuế giá trị giã tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo nhưng đến nay chưa được khắc phục; bị cáo Ngô Văn Văn X đã nộp tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, số còn lại Công ty phải nộp tiếp.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47, Điều 54; điểm b khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn X phạm tội "Trốn thuế".

Xử phạt bị cáo Ngô Văn X 15 (mười lăm) tháng tù, về tội "Trốn thuế". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Xử tịch thu lưu hồ sơ vụ án các vật chứng đã tạm giữ đều là tài liệu đi kèm hồ sơ vụ án.

Về biện pháp tư pháp: Buộc Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T phải nộp lại số tiền 2.719.441.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) cho Chi cục Thuế huyện Quảng Ninh để nộp vào ngân sách Nhà nước; số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo Ngô Văn X đã nộp tại tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình được nộp vào Chi cục Thuế huyện Quảng Ninh. Số tiền còn lại Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Vận tải T phải nộp tiếp là: 2.669.441.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Văn X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/7/2021), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q.Ninh;
- Công an huyện Q.Ninh;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- CQ THADS huyện Q.Ninh;
- CQ THAHS-CA huyện Q.Ninh;
- CQ THAHS-CA tỉnh Q.Bình;
- TAND tỉnh Q.Bình;
- Sở Tư pháp Q.Bình:
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Châu